

Số: 8584/BNN-VP

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2023

*V/v tiếp tục đẩy mạnh thực hiện
Chương trình cắt giảm, đơn giản
hoá quy định liên quan đến hoạt
động kinh doanh, thủ tục hành
chính nội bộ và phân cấp giải
quyết thủ tục hành chính*

Kính gửi:- Các Cục, Vụ;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam;
- Văn phòng Bộ.

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; Công văn số 97/TCTCCTTHC ngày 12/11/2023 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; Công văn số 100/TCTTTHC ngày 14/11/2023 về việc tiếp tục đẩy mạnh phân cấp thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ; Công văn số 102/TCTCCTTHC ngày 15/11/2023 về việc xử lý phản ánh, kiến nghị về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính của Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị:

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Thường xuyên thống kê, cập nhật, công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời quy định kinh doanh (QĐKD) được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cùng chi phí tuân thủ đối với từng QĐKD lên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD tại địa chỉ: <https://quantri.quydinghkinhdoanh.gov.vn>;

- Tham vấn trực tuyến, tương tác hai chiều với các hiệp hội, doanh nghiệp trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD để rút ngắn thời gian lấy ý kiến đối với các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL);

- Tuyên truyền, khuyến khích các hiệp hội, doanh nghiệp, đối tượng quản lý tham gia đóng góp ý kiến hoặc gửi vướng mắc, đề xuất đối với QĐKD trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD;

- Rà soát, đề xuất phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ bảo đảm mục tiêu cắt giảm, đơn giản hoá ít nhất 20% TTHC và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ TTHC, hoàn thành trong tháng 12 năm 2023^[1]; các TTHC còn lại hoàn thành trong năm 2024.

2. Các Cục: Bảo vệ thực vật, Trồng trọt, Thủy sản

Khẩn trương hoàn thành việc thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá QĐKD đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2177/QĐ-TTg ngày 23/12/2021[2] và báo cáo Bộ (qua Văn phòng Bộ) **trước ngày 20/12/2023**.

3. Các cục: Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Thú y, Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai

Nghiên cứu đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền dứt điểm các đề xuất, kiến nghị của các hiệp hội, doanh nghiệp đối với các QĐKD thuộc phạm vi quản lý được gửi tương tác trên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD và những phản ánh, kiến nghị được giao[3]; báo cáo Bộ (qua Văn phòng Bộ) **trước ngày 25/11/2023** để tổng hợp gửi Văn phòng Chính phủ.

4. Các cục: Chăn nuôi, Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Kiểm lâm, Lâm nghiệp, Thú y, Thủy lợi; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền thực hiện các phương án phân cấp đã được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*); phần đầu đến hết tháng 6 năm 2024, hoàn thành phân cấp đối với các phương án phân cấp thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng đã được phê duyệt chưa được thực thi; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; kiên quyết phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC ngay trong quá trình dự thảo văn bản QPPL và chủ động rà soát các văn bản QPPL có quy định TTHC để phân cấp theo thẩm quyền.

5. Vụ Pháp chế

- Tổng hợp, báo cáo kết quả giảm số văn bản QPPL liên quan đến QĐKD từ năm 2021 đến nay và đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả nhiệm vụ này khi có yêu cầu của Bộ Tư pháp;

- Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực thi phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

6. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường

Đầu mối hướng dẫn các đơn vị rà soát, đề xuất danh mục Tiêu chuẩn Việt Nam dự kiến đưa vào Kế hoạch rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa giai đoạn 2024- 2025 và tổng hợp báo cáo Bộ (qua Văn phòng Bộ) **trước ngày 15/12/2023** để xây dựng Kế hoạch tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ.

7. Văn phòng Bộ

Đầu mối xây dựng Kế hoạch, theo dõi, đôn đốc thực hiện và tổng hợp báo cáo gửi Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu.

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Cổng TT điện tử Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, VP(KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

PHỤ LỤC

THỰC THI PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Văn bản số: 8584/BNN-VP ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên TTHC	Nội dung phân cấp	Văn bản cần sửa đổi, bổ sung	Đơn vị thực hiện
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI			
1	Nhóm các thủ tục: cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (mã TTHC: 1.008126); cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (mã TTHC: 1.008127); cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (mã TTHC: 1.8128); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (mã TTHC: 1.8129).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.	Cục Chăn nuôi
2	Nhóm các thủ tục: Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu (mã TTHC: 3.000128); Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (mã TTHC: 3.000129); Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 34 Luật Chăn nuôi. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.	Cục Chăn nuôi

	(mã TTHC: 3.000127).			
3	Thủ tục Công nhận dòng, giống vật nuôi mới (mã TTHC: 3.000126).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 Luật Chăn nuôi. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.	Cục Chăn nuôi
4	Nhóm các thủ tục: Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (mã TTHC: 1.008124); Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (mã TTHC: 1.008125).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.	
5	Thủ tục Nhập khẩu lần đầu đực giống, tinh, phôi, giống gia súc (mã TTHC: 1.008117).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 Luật Chăn nuôi. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022-2025	Cục Chăn nuôi
6	Thủ tục Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (mã TTHC: 3.000130).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Chăn nuôi. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022-2025.	Cục Chăn nuôi
7	Thủ tục Xuất khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung	Cục Chăn nuôi

	trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo (mã TTHC: 1.008118).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 21 Luật Chăn nuôi. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022-2025.	
II	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP			
1	Thủ tục Cấp ấn phẩm Chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm (mã TTHC: 1.000009).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh, cụ thể: - Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh cấp ấn phẩm chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm mẫu vật loài thuộc các Phụ lục CITES, trừ các loài thủy sản. - Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp ấn phẩm chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm mẫu vật loài thủy sản thuộc các Phụ lục CITES	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm a, b khoản 4 Điều 24 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022-2023.	Cục Kiểm lâm
2	Nhóm các thủ tục: cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (mã TTHC: 3.000179); cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng (mã TTHC: 3.000180).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Tổng cục Lâm nghiệp.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 5, 7 Điều 25 và khoản 5 Điều 26 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về	Cục Lâm nghiệp

			quản lý giống cây trồng lâm nghiệp. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.	
3	Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES (mã TTHC: 1.004819).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh, cụ thể: - Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh cấp mã số cơ sở nuôi sinh trưởng, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I; động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES, trừ các loài thủy sản. - Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp mã số cơ sở nuôi sinh trưởng, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục I CITES, trừ các loài thủy sản đồng thời thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng hoang dã nguy cấp.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 17 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022-2023.	Cục Kiểm lâm
4	Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	a) Nội dung phân cấp: Đối với trường hợp nuôi, trồng không vì mục đích thương mại, phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chi cục Kiểm lâm cấp	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01	Cục Kiểm lâm

	thuộc Phụ lục II và III CITES (mã TTHC: 1.004815).	tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh về UBND cấp huyện, Hạt Kiểm lâm cấp huyện cấp mã số cơ sở nuôi, trồng, cụ thể: Hạt Kiểm lâm cấp huyện cấp mã số cơ sở nuôi không vì mục đích thương mại các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II; động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES, trừ các loài thủy sản. UBND cấp huyện cấp mã số cơ sở nuôi, trồng không vì mục đích thương mại các loài thủy sản thuộc Phụ lục II và III CITES, trừ các loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng.	năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.	
III	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP			
1	Nhóm các thủ tục: Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (mã TTHC: 1.003388); Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (mã TTHC: 1.003371).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 4 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự và thủ tục công nhận doanh nghiệp nông	Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường

			nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022-2023	
2	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (mã TTHC: 1.003618).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung Điều 25 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.	Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường
IV	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN			
1	Nhóm các thủ tục: cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 2.001730); Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổng cục, cục quản lý chuyên ngành thuộc bộ và cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh, cụ thể: - Tổng cục, cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện cấp/sửa đổi,	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

	triển nông thôn (mã TTHC: 2.001726).	bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các thị trường có yêu cầu cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp chứng thư, chứng nhận an toàn thực phẩm (ATTP), kiểm dịch ... - Cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh thực hiện cấp/sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các trường hợp còn lại. Điều kiện phân cấp: Chia sẻ thông tin, dữ liệu về danh sách cơ sở, danh mục sản phẩm chứng nhận đủ điều kiện ATTP của cơ sở xuất khẩu đối với các thị trường có yêu cầu cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp chứng thư, chứng nhận ATTP, kiểm dịch...	2022-2023.	
2	Nhóm các thủ tục: Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 2.001604); Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Bảo vệ thực vật; Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

	Phát triển nông thôn (mã TTHC: 1.003814).		2022-2023.	
V	LĨNH VỰC THÚ Y			
1	Nhóm các thủ tục: cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (mã TTHC: 1.001686); cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (mã TTHC: 1 004839).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh về cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện, Điều kiện phân cấp: Kịch bản toàn hệ thống cơ quan chuyên ngành thú y địa phương tại 63/63 tỉnh theo quy định tại Điều 6 Luật Thú y, thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 97 Luật Thú y năm 2015. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025, hoặc khi điều kiện phân cấp được đáp ứng đầy đủ.	Cục Thú y
2	Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (mã TTHC: 1.004022).	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh về cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện. Điều kiện phân cấp: Kịch bản toàn hệ thống cơ quan chuyên ngành thú y địa phương tại 63/63 tỉnh theo quy định tại Điều 6 Luật Thú y, thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y. - Lộ trình thực hiện: Năm 2022, hoặc khi điều kiện phân cấp được đáp ứng đầy đủ.	Cục Thú y
VI	LĨNH VỰC THỦY LỢI			

1	Nhóm các thủ tục: cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003870); cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.00140); Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001426); cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản,	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện cho một số hoạt động sau: Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, vật tư, phương tiện thuộc các công trình thủy lợi; Nuôi trồng thủy sản; Trồng cây lâu năm.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44 Luật Thủy lợi; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.	Cục Thủy lợi
---	---	--	---	---------------------

	vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.004427); cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003921); cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003893); cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.004385); cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001791).			
2	Nhóm các thủ tục: cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép	a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện.	b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi khoản 2 Điều 44 Luật Thủy lợi; sửa đổi, bổ sung khoản 2	Cục Thủy lợi

của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001796); cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003880).		Điều 16 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.	
---	--	--	--

[1] Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Công văn số 5608/BNN-VP VP ngày 16/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm 5 tháng cuối năm 2023.

[2] Chi tiết tại số thứ tự 1, 2, 3, 4 và số thứ tự từ 13 đến 109 Phụ lục I ban hành kèm theo Công văn số 5608/BNN-VP ngày 16/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm 5 tháng cuối năm 2023.

[3] Chi tiết tại Phụ lục V ban hành kèm theo Công văn số 5608/BNN-VP ngày 16/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm 5 tháng cuối năm 2023 và đề xuất, kiến nghị tại phần X Phụ lục ban hành kèm theo Công văn số 102/TCCCCTTHC.